TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 24 tháng 01 năm 2022.
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình, ông Đỗ Đình Bản.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Trọng N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22 tháng 7 năm 2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày.

Chị và anh Ngô Trọng N kết hôn với nhau vào ngày 13/10/2005 trên cơ sở tự nguyện, đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Thắng, huyện Yên Mỗ, tỉnh Ninh Bình.

Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với bố mẹ anh Nghĩa tại tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Cuộc sống hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống của hai anh chị không hợp, anh Ngô Trọng N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà ngược đãi vợ con, ảnh hưởng nghiêm trọng đến công việc cũng như sức khỏe của tôi. Mâu thuẫn của hai anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải

nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Trần Thị P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Ngô Trọng N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Ngô Nguyên L, sinh ngày 27/6/2006 và Ngô Trần Thảo N, sinh ngày 21/5/2016. Nguyện vọng của chị Trần Thị P xin được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị P tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với anh Ngô Trọng N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Ngô Trọng N, đồng thời niêm yết công khai tại UBND nơi anh N sinh sống, nhưng anh N không tham gia nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của anh về việc chị P xin ly hôn và việc người trực tiếp nuôi con, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không hợp tác để giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Ngô Trọng N.

- Về con chung: Giao Ngô Nguyên L, sinh ngày 27/6/2006 và Ngô Trần Thảo N, sinh ngày 21/5/2016 cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Ngô Trọng N không phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị P do chị P không yêu cầu.

- Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Trọng N có địa chỉ tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là " Ly hôn" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Ngô Trọng N đã được tống đạt và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị P và anh Ngô Trọng N kết hôn với nhau vào ngày 13/10/2007. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Thắng, huyện Yên Mỗ, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị P và anh Ngô Trọng N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị P và anh N đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị Trần Thị P ly hôn anh Ngô Trọng N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Ngô Trọng N để lấy lời khai về việc nuôi con chung và các vấn đề khác, nhưng anh N đều không có mặt. Con chung của anh chị là cháu Ngô Nguyên L, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Ngô Trần Thảo N, sinh ngày 21/5/2016, hiện nay chị P trực tiếp

nuôi dưỡng cả hai cháu, cháu Ngô Nguyên L đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, chị P là giáo viên trường Trung học Mộc Ly, huyện Mộc Châu mức thu nhập 9.000.0000 đồng/ tháng, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu phát triển trong điều kiện tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị Trần Thị P, giao hai cháu Ngô Nguyên L và cháu Ngô Trần Thảo N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Ngô Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu. Anh Ngô Trọng N được đi lại thăm nom con, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Trần Thị P xác định chị và anh Ngô Trọng N không có tài sản chung và vay nợ chung, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Ngô Trọng N.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Nguyên L, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Ngô Trần Thảo N, sinh ngày 21/5/2016 cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Trọng N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P, do chị P không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0000549 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Yên Thắng, huyện Yên Mỗ, tỉnh Ninh Bình
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà